

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thập.
2. Ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1981; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1976; vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn Cỏi, xã An Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020, bản tự khai ngày 02/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị M tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 09/10/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, anh nghi ngờ chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị M thường xuyên nhắn tin điện

thoại đến khuya; bên cạnh đó chị M tính tình ngang bướng, bảo thủ, luôn làm theo ý mình mà không hỏi ý kiến của anh. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị M không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa khai ngày 02/3/2020 chị Vũ Thị M trình bày: Chị nhất trí như lời trình bày của anh Đặng Văn M về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 27/01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc dạy dỗ con cái; bên cạnh đó anh M còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị có giải thích nhưng anh M không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 02/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh Đặng Văn M và chị Vũ Thị M đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Đức Nh, sinh ngày 15/4/2013, hiện cháu Nh đang do vợ chồng chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M và anh M đều xin được nuôi cháu; phía chị M yêu cầu anh M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; phía anh M không yêu cầu chị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh M và chị M đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh M xác định anh có 02 sào ruộng tiêu chuẩn tại thôn C, xã A. Ly hôn anh xin tự giải quyết, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết; chị M xác định chị không có ruộng tiêu chuẩn, ly hôn chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đặng Văn M giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Anh Đặng Văn M đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; chị Vũ Thị M không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, nhiều lần không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án cũng như để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn M và chị Vũ Thị M; Về con chung: Giao cho anh M nuôi dưỡng cháu Đặng Đức Nh, sinh ngày 15/4/2013, chị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M, chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn M xin ly hôn chị Vũ Thị M, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; chị M có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn chị Vũ Thị M: Sau khi Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án, chị M đã viết bản tự khai nộp cho Tòa án, sau đó thì chị M bỏ đi khỏi địa phương, không ai biết chị M đi đâu, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị M đến để giải quyết vụ án nhưng chị M đều vắng mặt không có lý do, thể hiện sự không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng cũng như ý thức coi thường pháp luật, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Vũ Thị M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Đặng Văn M và chị Vũ Thị M là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2010 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 09/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái; bên cạnh đó vợ chồng không tin tưởng nhau, anh M nghi ngờ chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác còn với ai thì anh không nắm được, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, chị M nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập, không có mặt để nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chị M không có mặt để nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án vào ngày 25/6/2020 nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, do chị M vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào các ngày 15/5/2020 và 03/6/2020. Do vậy, cần xử cho anh M được ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh Đặng Văn M và chị Vũ Thị M có 01 con chung là cháu Đặng Đức Nh, sinh ngày 15/4/2013, hiện cháu đang ở với anh M. Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh M tha thiết xin được nuôi cháu Nh, không yêu cầu chị M

phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại bản tự khai ngày 02/3/2020 chị M cũng xin được nuôi cháu Nh và yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu. Xét thấy, hiện anh M có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định, anh đang làm nghề lái xe ô tô ở địa phương, thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ; tại bản tự khai ngày 03/02/2020 chị M xác định chị buôn bán tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000đ. Kể từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Nh ở với anh M, cháu được chăm sóc chu đáo; tại lời khai của cháu Đặng Đức Nh ngày 04/5/2020 thì cháu có nguyện vọng xin được ở với anh M; mặt khác, chị M xin nuôi cháu nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, cần giao cháu Nh cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh M, chị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nh là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ly hôn anh chị đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh M xác định anh có tiêu chuẩn là 02 sào tại thôn C, xã A; chị M, cháu Nh không có tiêu chuẩn ruộng. Ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đặng Văn M và chị Vũ Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Đức Nh, sinh ngày 15/4/2013. Chị Vũ Thị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nh cùng anh M.

Anh M cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu Nh.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đặng Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh M đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số

AA/2015/0002491 ngày 02/3/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh phải nộp (anh M đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Anh Đặng Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Vũ Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân